

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/4/2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bà Võ Thị Diệu Thảo

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dư Thị Hồng V, sinh ngày: 20/7/1991; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố D, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh ngày: 10/9/1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Dư Thị Hồng V trình bày:* Bà và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 51 ngày 14/7/2009. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

*- Về con chung:* Bà và ông T có 02 con chung là Trần Thái A, sinh ngày: 15/10/2009 và Trần Anh K, sinh ngày: 20/5/2012. Bà yêu cầu được nuôi

dưỡng 02 con chung; yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà và ông T không nợ.

\* Bị đơn ông Trần Văn T có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông T cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

\* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R*:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà V. Về quan hệ hôn nhân: Bà V được ly hôn ông T; về con chung: Giao con chung cho bà V nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm “Ly hôn”; ông T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình về “Cấp dưỡng nuôi con”.

\* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án*: Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 14/7/2009 (bản chính); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Trần Văn T (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà V, ông T (bản sao); Giấy nguyện vọng con chung; Biên bản xác minh ngày 24/12/2020.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà Dư Thị Hồng V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.3] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*:

Ngày 26/02/2021, nguyên đơn bà V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà V là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T nhưng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Bà V và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 51 ngày 14/7/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, tin tưởng nhau, không chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, bà V không còn tình cảm với ông T. Bà V yêu cầu ly hôn ông T. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2020, chính quyền địa phương phường B cung cấp: “Chị V, anh T có đăng ký kết hôn tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn của chị V, anh T là gì thì chính quyền địa phương không biết, do chị V, anh T không thông báo cũng như hòa giải tại địa phương.”. Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng ông T, bà V đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà V yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà V.

*[2.2] Về con chung:* Bà V và ông T có 02 con chung là Trần Thái A, sinh ngày: 15/10/2009 và Trần Anh K, sinh ngày: 20/5/2012. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hai con chung còn nhỏ và có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao hai con chung cho bà V nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, yêu cầu của bà V là có căn cứ, phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[2.3] Về tài sản chung:* Bà V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*[3] Về án phí:* Bà V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”. Ông T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dư Thị Hồng V.**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Dư Thị Hồng V được ly hôn ông Trần Văn T.

**2. Về con chung:** Bà Dư Thị Hồng V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Trần Thái A, sinh ngày: 15/10/2009 và Trần Anh K, sinh ngày: 20/5/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi các hai chung lần lượt đủ 18 tuổi.

\* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3. Về tài sản chung:** Bà Dư Thị Hồng V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

### **4. Về án phí:**

Bà Dư Thị Hồng V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000913 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà V đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

**5.** Bà Dư Thị Hồng V, ông Trần Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND xã L, t.p N, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Công**